TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HS-ST
Ngày: 13/8/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lương Quân.

2. Ông Bùi Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 92/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Thị Mai T, sinh ngày 13/8/1986 tại An Giang; nơi thường trú: Số A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A H, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: K N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: K N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1966; có chồng Ngô Nguyễn Thanh D (đã chết); có 02 con sinh năm 2011 và năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 31/10/2024, đến ngày 04/12/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Mã Phương K, sinh ngày 28/4/1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Số A đường B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A đường B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) chỗ ở: Số A đường B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A đường B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Văn P (đã chết) và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1955; có vợ Trương Thị Thanh T2 (đã

chết); có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Bản án số 86/2013/HSST ngày 18/6/2013, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù và được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 31/10/2024, đến ngày 04/12/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. Hà Huỳnh Dương N, sinh ngày 26/02/1997 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi thường trú: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long)chỗ ở: K N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: K N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh)trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Thế N1, sinh năm 1958 và bà Huỳnh Ngọc P1, sinh năm 1975; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 31/10/2024 (có mặt tại phiên tòa).

4. Trương Đức T3, sinh ngày 29/5/1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Số A B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh)chỗ ở: Số D B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số D B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn S, sinh năm 1954 và bà Mã Thục L, sinh năm 1958; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 15/2010/HSST ngày 13/01/2010, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2012, đã xóa án tích.

- Tại Quyết định số 7958/QĐ-UBND ngày 18/12/2013, bị Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, đến ngày 25/9/2015 được tái hòa nhập cộng đồng.

- Tại Bản án số 77/2018/HSST ngày 31/5/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/3/2020, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 31/10/2024 (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thạch Thị Thu T5 địa chỉ: ấp N, xã L, tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ cũ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh) (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Nguyễn Lam H3 sinh năm 1962 địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Tổ A, Ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai(vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Võ Minh T6 năm 1981 địa chỉ: 671 H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: F H, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông Trần Minh N2 năm 2007 địa chỉ: 671 H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: F H, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt tại phiên tòa).

5. Ông Đỗ Ngọc H1 năm 1978 địa chỉ: 92 P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: I P, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/10/2024, Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước nhà số D V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện Mã Phương K đang điều khiển xe mô tô hiệu Wave ZX, màu đỏ, biển kiểm soát 84K2-7403 chở Trương Đức T3 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên yêu cầu dừng xe và đưa K, T3 cùng phương tiện về trụ sở Công an phường Cầu Kho, Quận 1 kiểm tra. Tiến hành kiểm tra trong túi quần phía trước, bên trái của T3 đang mặc có 03 túi nylon chứa thảo mộc khô, K và T3 khai là ma túy nên Tổ công tác tiến hành thu giữ vật chứng, lập biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh) giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định số 12369/KL-KTHS ngày 25/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Thảo mộc khô chứa trong 03 gói nylon đựng trong 01 gói được niêm phong, bên ngoài có dấu vân tay, các chữ ký ghi tên Mã Phương K, Trương Đức T3 và hình dấu Công an phường Cầu Kho, Quận 1 có khối lượng 10,89 gam, tìm thấy ma túy loại MDMB-BUTINACA. Do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh không có mẫu chuẩn định lượng MDMB-BUTINACA nên không tiến hành giám định được hàm lượng.

Tại Cơ quan điều tra, Mã Phương K và Trương Đức T3 khai nhận toàn bộ số ma túy bị thu giữ là của K nhờ T3 mua hộ cho Trịnh Thị Mai T. Ngoài ra, K khai trước đó đã mua hộ ma túy cho Trịnh Thị Mai T và Hà Huỳnh Dương N nhiều lần.

Căn cứ lời khai của Mã Phương K, qua truy xét, Cơ quan điều tra đã đưa Trịnh Thị Mai T, Hà Huỳnh Dương N, Trần Minh N3 về trụ sở Công an để làm

việc. Quá trình điều tra xác định: T và N sống chung như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) tại nhà kế B N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). N3 là đồng nghiệp làm chung với N nên quen biết T và biết N, T quen biết chỗ bán ma túy loại "Cỏ Mỹ". Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng tháng 9/2024 N3 đã nhiều lần thuê T và N mua hộ ma túy để N3 sử dụng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 9/2024 (không nhớ rõ ngày), N3 nhờ T mua 200.000 đồng ma túy loại "Cỏ Mỹ" và trả thêm cho T 100.000 đồng tiền công bằng tiền mặt. T đã gọi điện nhờ K đi mua 150.000 đồng ma túy loại "Cỏ Mỹ" và trả công cho K 50.000 đồng bằng tiền mặt.

Lần thứ hai: Khoảng 01 tuần sau lần mua ma túy lần đầu, N3 tiếp tục nhờ T mua 200.000 đồng ma túy loại "Cỏ Mỹ" và trả thêm cho T 100.000 đồng tiền công bằng tiền mặt. T tiếp tục gọi điện nhờ K đi mua 150.000 đồng ma túy loại "Cỏ Mỹ" và trả công cho K 50.000 đồng bằng tiền mặt.

Cả hai lần, K đều đến dưới chân cầu N, Quận H tìm gặp một người đàn ông (không có thông tin liên lạc từ trước, thường hay ở khu vực dưới chân cầu, không rõ nhân thân lai lịch) mua ma túy và trả tiền mặt cho người này. T hưởng lợi 200.000 đồng, K hưởng lợi 100.000 đồng trong hai lần mua bán ma túy.

Lần thứ ba: đầu tháng 10/2024, N3 đến nhà nhưng không gặp được T nên N3 đã đưa cho N 200.000 đồng nhờ N mua hộ ma túy loại "Cỏ Mỹ" (không thỏa thuận tiền công) để sử dụng và được N đồng ý. N gọi điện thuê K mua 150.000 đồng tiền ma túy, trả công cho K 50.000 đồng. K tiếp tục đến dưới chân cầu N, Quận H mua ma túy của người đàn ông không rõ lai lịch rồi đem về đưa cho N, N lấy ra một ít sử dụng, còn lại đưa cho N3.

Các lần mua bán ma túy nêu trên, N3 và T, N đều gọi điện thoại và nhắn tin qua tài khoản Z, T, N gọi điện thoại cho K để trao đổi mua bán ma túy rồi xóa tin nhắn, cuộc gọi.

- Lần thứ tư: Vào ngày 18/10/2024, N3 sử dụng Zalo tên "Minh Nhật" nhắn tin qua tài khoản Zalo tên "Trâm Mai" của T thuê T mua 500.000 đồng tiền ma túy loại "Cỏ Mỹ", trả công cho T 100.000 đồng, T đồng ý. N3 sử dụng tài khoản số 0816675013, tên "TRAN MINH NHAT", mở tại Ngân hàng TMCP Q2 (M) chuyển khoản số tiền 600.000 đồng vào tài khoản số 00002787325, tên "TRINH THI MAI TRAM", mở tại Ngân hàng TMCP K2 (T8). Sau đó, T gọi điện thoại thuê K đi mua hộ 500.000 đồng ma túy loại "Cỏ Mỹ", trả công cho K 50.000 đồng, K đồng ý. Do không có tiền mặt nên T chuyển số tiền 560.000 đồng qua tài khoản Momo của Đỗ Ngọc H2 (đăng ký số điện thoại 0981059579) là chủ tiệm tạp hóa "Thịnh Đỗ", số I P, Phường I, Quận H và nhờ anh H2 đưa lại 550.000 đồng tiền mặt cho K, trả công đổi tiền 10.000 đồng cho H2. Theo hướng dẫn của T, K đến tiệm T9 "Thịnh Đỗ" gặp H2 và lấy tiền. K đến chân cầu N, Quận H thì không thấy đối tượng bán ma túy trước đó cho K. Do không biết mua ma túy ở đâu nên K nhờ Trương Đức T3 đi cùng mua ma túy hộ K, hứa trích ra một phần ma túy mua được cho Thông sử dụng, Thông đồng ý. Theo chỉ

dẫn của T3, K điều khiển xe mô tô hiệu Wave ZX, màu đỏ, biển kiểm soát 84K2-7403 chở T3 đến đầu hẻm B H, Quận D và đưa cho Thông số tiền 150.000 đồng để T3 mua ma túy. Đến nơi, K dừng xe đợi bên ngoài, T3 một mình vào hẻm để mua ma túy của đối tượng (chưa rõ lai lịch). Sau khi mua được ma túy, T3 đi ra khỏi hẻm và lên xe K chở về. K gọi điện thoại thông báo cho T không mua được số lượng 500.000 đồng ma túy mà T yêu cầu mà chỉ mua được số lượng ma túy với giá 200.000 đồng (K báo cao hơn số tiền đã mua 50.000 đồng nhằm hưởng lợi) và hứa trả lại cho T số tiền dư. K điều khiển xe mô tô chở T3 lưu thông đến trước nhà số D V, phường C, Quận A thì bị Công an phát hiện, bắt giữ. Trong thời gian đợi T nhờ người đi mua ma túy về, N đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60Z2-7232 đến nhà T để đợi lấy ma túy. Do chờ lâu chưa thấy K về nên T nhờ Hà Huỳnh Dương N đi gặp K để lấy ma túy đem về đưa cho N3. N mượn xe mô tô biển kiểm soát 60Z2-7232 của N3 điều khiển xe đi lấy ma túy từ K nhưng chưa kịp gặp K thì bị Công an kiểm tra, yêu cầu về trụ sở làm việc.

Lời khai nhận tội của Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N, Trương Đức T3 phù hợp với biên bản ghi nhận sự việc, lời khai của Trần Minh N3, Đỗ Ngọc H2 và những người làm chứng, kết luận giám định số ma túy thu giữ của K và T3, kết quả xác nhận bản ảnh vật chứng thu giữ, xác nhận địa điểm, kết quả đối chất, nhận dạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập được.

Đối với các đối tượng (chưa rõ lai lịch) bán ma túy cho K tại chân cầu N, Quận H và bán ma túy cho T3 tại hẻm B H, Phường H, Quận D, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với Đỗ Ngọc H2, quá trình điều tra xác định H2 không biết mục đích T đổi tiền mặt đưa cho K để mua bán ma túy, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với H2.

Đối với Trần Minh N3 có hành vi nhờ T mua hộ ma túy 03 lần và nhờ N mua hộ ma túy 01 lần. Qua xác minh N3 chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến các tội về ma túy, những lần mua ma túy trước đó N3 đã sử dụng hết, khối lượng ma túy thu giữ khi bắt quả tang K và T3 vào ngày 18/10/2024 chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N3 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên Công an Quận 1 đã ban hành Quyết định số 810/QĐ-XPHC-MT ngày 01/11/2024 xử phạt vi phạm hành chính đối với N3.

Vật chứng vụ án: 01 gói niêm phong bên ngoài có ghi vụ số (C), chữ ký ghi tên Thiếu tá Phan Tấn Q (Giám định viên), Lê Đức D1 (Cán bộ) bên trong chứa thảo mộc khô, khối lượng còn lại sau giám định, tìm thấy ma túy loại MDMB-BUTINACA; 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình lưu hồ sơ vụ án.

Thu giữ của Trịnh Thị Mai T: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3s, màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen.

Thu giữ giữ của Mã Phương K: 01 xe mô tô hiệu Wave ZX, màu đỏ, biển kiểm soát 84K2-7403, số khung: RRKWCH2UM7XA01424, số máy: VTT35JL1P52FMH001424 kết quả giám định số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh, xe do bà Thạch Thị Thu T5 đứng tên sở hữu. K khai mua xe mô tô trên của một người (chưa rõ lai lịch), không có hợp đồng mua bán. Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra, đăng báo tìm bà T5 để ghi lời khai nhưng chưa có kết quả; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 1: 354176101524775, Imei 2: 354176101524774; số tiền 400.000 đồng gồm: 300.000 đồng để mua ma túy còn dư, 50.000 đồng là tiền công mua ma túy cho T, 50.000 đồng là tiền hưởng lợi chênh lệch từ việc mua ma túy.

Thu giữ của Hà Huỳnh Dương N: 01 xe mô tô biển kiểm soát 60Z2-7232, số khung: RLHHC12229Y071102, số máy: HC12E-0688899 là phương tiện N (mượn của N) điều khiển đi lấy ma túy từ K đem về cho N3. Kết quả giám định số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh, xe do ông Nguyễn Lam H3 đứng tên sở hữu. N3 khai mượn xe mô tô trên của Võ Minh T6 để đi giao hàng. T6 khai mua lại xe mô tô trên của ông H3 (không có hợp đồng mua bán), không biết N3 giao xe cho N làm phương tiện phạm tội và xin được nhận lại xe. Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra, đăng báo tìm ông H3 để ghi lời khai nhưng chưa có kết quả; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15s, màu đen, số Imei 1: 866314058222819, Imei 2: 866314058222801.

Thu giữ của anh Nguyễn Đức H4: số tiền 10.000 đồng tiền hưởng lợi phí đổi tiền mặt cho T.

Tại bản Cáo trạng số 94/CT-VKS-Q1 ngày 15/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251, bị cáo Trương Đức T3 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N, Trương Đức T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh). Các bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh "Mua bán trái phép chất ma túy" là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của các bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N, Trương Đức T3 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trịnh Thị Mai T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Mã Phương K từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Hà Huỳnh Dương N từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trương Đức T3 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị:

Tịch thu, tiêu hủy 01 gói niêm phong bên ngoài có ghi vụ số (C), chữ ký ghi tên Thiếu tá Phan Tấn Q (Giám định viên), Lê Đức D1 (Cán bộ) bên trong chứa thảo mộc khô, khối lượng còn lại sau giám định;

Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình.

Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3s, màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen thu giữ của Trịnh Thị Mai T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 1: 354176101524775, Imei 2: 354176102524774 ; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15s số Imei 1: 866314058222819, Imei 2: 866314058222801 thu giữ của Hà Huỳnh Dương N; số tiền 410.000 đồng thu giữ của Mã Phương K và ông Đỗ Ngọc H2.

Giao cho cơ quan thi hành án đăng báo trong thời hạn 01 năm để trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đối với 01 xe mô tô hiệu Wave ZX, màu đỏ, biển kiểm soát 84K2-7403, số khung: RRKWCH2UM7XA01424, số máy: VTT35JL1P52FMH001424, nếu sau thời hạn 01 năm không có ai đến nhận thì tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

Giao cho cơ quan thi hành án đăng báo trong thời hạn 01 năm để trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 60Z2-7232, số khung: RLHHC12229Y071102, số máy: HC12E-0688899, nếu sau thời hạn 01 năm không có ai đến nhận thì trả lại xe cho ông Võ Minh T6.

Các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N, Trương Đức T3 đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, không tranh luận.

Trong phần nói lời sau cùng, các bị cáo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N, Trương Đức T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N, Trương Đức T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định:

Khi có nhu cầu sử dụng ma túy, Trần Minh N3 trực tiếp gọi điện hoặc đến chỗ ở của T tại nhà kế B N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đưa tiền cho Trịnh Thị Mai T và nhờ T mua ma túy giúp. Từ tháng 9/2024 đến tháng 10/2024, T đã nhiều lần nhờ Mã Phương K mua ma túy loại "Cỏ Mỹ" để giao cho N3 sử dụng, T trả tiền công cho K 50.000 đồng/lần. Sau khi nhận tiền từ T, K đến dưới chân cầu N, Quận H tìm gặp một người đàn ông (thường ở dưới chân cầu, không rõ nhân thân lai lịch) mua ma túy. K trả tiền mặt và nhận ma túy mang về giao lại cho T, ngoài việc được T trả tiền công thì K còn tự báo số tiền mua cao hơn thực tế để được hưởng lợi.

Ngày 18/10/2024, N3 chuyển khoản 600.000 đồng vào tài khoản số 00002787325 của T mở tại Ngân hàng TMCP K2 nhờ mua 500.000 đồng tiền ma túy loại "Cỏ Mỹ", trả công cho T 100.000 đồng. T gọi điện thoại thuê K đi mua 500.000 đồng ma túy loại "Cỏ Mỹ", trả công cho K 50.000 đồng. K nhận 550.000 đồng theo chỉ dẫn của T rồi đến chân cầu N, Quận H mua ma túy nhưng không gặp được người bán. Do không biết chỗ mua ma túy khác nên K nhờ Trương Đức T3 đi cùng mua ma túy giúp K, K hứa trích ra một phần ma túy mua được cho T3 sử dụng. T3 chỉ đường cho K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84K2-7403 chở đến đầu hẻm B H, Quận D. Tại đây, K đưa cho 150.000 đồng để T7 ào mua ma túy của đối tượng chưa rõ lai lịch rồi gọi điện báo cho T chỉ mua được 200.000 đồng (Khanh báo cao hơn số tiền đã mua 50.000 đồng nhằm hưởng lợi), hứa trả lại cho T số tiền dư. Khi K điều khiển xe mô tô chở T3 lưu thông đến trước nhà số D V, phường C, Quận A thì bị phát hiện, bắt giữ. Kiểm tra trong túi quần phía trước, bên trái của T3 đang mặc có 03 túi nylon chứa thảo mộc khô là ma túy.

Kết quả điều tra xác định ngoài lần mua ma túy nêu trên, Trịnh Thị Mai T trước đó đã 02 lần thuê Mã Phương K mua hộ ma túy cho Trần Minh N3 để hưởng lợi. Lần đầu vào khoảng tháng 9/2024 (không nhớ rõ ngày), lần thứ hai khoảng 01 tuần sau lần mua ma túy lần đầu, T trả công cho K 100.000 đồng, và được N3 trả tiền công 200.000 đồng.

Ngoài 03 lần mua ma túy giúp cho Trịnh Thị Mai T nêu trên, Mã Phương K còn 01 lần mua ma túy giúp cho Hà Huỳnh Dương N vào khoảng đầu tháng 10/2024. Cụ thể: đầu tháng 10/2024 N3 đến nhà nhưng không gặp được T nên N3 đã đưa cho N 200.000 đồng nhờ N mua hộ ma túy loại "Cỏ Mỹ" để sử dụng. N đồng ý và gọi điện thuê K mua 150.000 đồng tiền ma túy, trả công cho K 50.000 đồng. Khanh đến dưới chân cầu N, Quận H mua ma túy rồi đem về đưa cho N, N lấy ra một ít sử dụng, còn lại đưa cho N3.

Ngoài ra, N còn có hành vi giúp sức cho T mua bán trái phép chất ma túy như sau: vào ngày 18/10/2024 do chờ lâu chưa thấy K về nên T nhờ N đi gặp K để lấy ma túy đem về đưa cho N3. N đồng ý và mượn xe mô tô biển kiểm soát 60Z2-7232 của N3 điều khiển xe đi gặp K lấy ma túy nhưng chưa kịp gặp K nhận ma túy thì bị bắt giữ.

[3] Tại bản Kết luận giám định số 12369/KL-KTHS ngày 25/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Thảo mộc khô chứa trong 03 gói nylon đựng trong 01 gói được niêm phong, bên ngoài có dấu vân tay, các chữ ký ghi tên Mã Phương K, Trương Đức T3 và hình dấu Công an phường Cầu Kho, Quận 1 có khối lượng 10,89 gam, tìm thấy ma túy loại MDMB-BUTINACA.

Như vậy, bị cáo Trịnh Thị Mai T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" đối với 03 lần ma túy loại "Cỏ Mỹ" giúp cho Trần Minh N3 để hưởng lợi, phạm tội từ hai lần trở lên. Bị cáo Mã Phương K phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" đối với 04 lần đi mua ma túy giúp cho T và N để được hưởng tiền công, phạm tội từ hai lần trở lên. Hà Huỳnh Dương N phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" đối với 01 lần thuê K đi mua ma túy và 01 lần điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60Z2-7232 đi lấy ma túy từ K để đem về đưa lại cho T, phạm tội từ hai lần trở lên, trong đó lần thứ hai N phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, N chưa nhận do K đã bị bắt giữ trước đó.

Trương Đức T3 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" đối với khối lượng 10,89 gam, tìm thấy ma túy loại MDMB-BUTINACA đã mua giúp cho Mã Phương K vào ngày 18/10/2024.

[4] Từ nội dung đã nhận định từ mục [1] đến mục [3], xét đã có đủ cơ sở để kết luận: các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", tội phạm và khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Đức T3 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", tội phạm và khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự

Bản Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Trương Đức T3 là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con người, mà còn làm tha hóa thanh thiếu niên, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Bản thân các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình phạm tội, do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Trương Đức T3 có nhân thân xấu, 02 bị xử phạt tù về tội cướp giật tài sản, tàng trữ trái phép chất ma túy, từng bị đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N, Trương Đức T3 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, xét bị cáo Trịnh Thị Mai T đang bị bệnh lao phổi, nhiễm nấm thực quản và bệnh HIV-AIDS, bị cáo Mã Phương K bị ung thư đại tràng, đã phẫu thuật cắt khối u, đặt hậu môn giả, cả hai bị cáo sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định khi quyết định hình phạt cho các bị cáo như sau:

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, nhưng cần áp dụng quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để phân hóa vai trò của từng bị cáo, xử phạt mỗi bị cáo với mức hình phạt phù hợp. Bị cáo Trịnh Thị Mai T là người trực tiếp thuê bị cáo K đi mua ma túy, trả tiền cho K, bị cáo K trực tiếp đi mua ma túy về đưa lại cho T, N để được hưởng lợi. Bị cáo N một lần nhờ K đi mua ma túy và một lần giúp T đi gặp K để nhận ma túy, tuy chưa nhận được ma túy nhưng đã phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo T3 một lần phụ giúp K đi mua ma túy để được cho một phần ma túy sử dụng.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải xử phạt mỗi bị cáo với mức hình phạt tương xứng.

[9] Về hình phạt bổ sung: ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo T, K đang bị bệnh phải điều trị hàng ngày nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về hành vi của các đối tượng liên quan:

Đối với các đối tượng (chưa rõ lai lịch) bán ma túy cho K tại chân cầu N, Quận H và bán ma túy cho T3 tại hẻm B H, Phường H, Quận D, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với Đỗ Ngọc H2, quá trình điều tra xác định H2 không biết mục đích T đổi tiền mặt đưa cho K để mua bán ma túy, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với H2 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với Trần Minh N3 có hành vi nhờ T mua hộ ma túy 03 lần và nhờ N mua hộ ma túy 01 lần. Qua xác minh N3 chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến các tội về ma túy, những lần mua ma túy trước đó N3 đã sử dụng hết, khối lượng ma túy thu giữ khi bắt quả tang K và T3 vào ngày 18/10/2024 chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N3 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên Công an Quận 1 đã ban hành Quyết định số 810/QĐ-XPHC-MT ngày 01/11/2024 xử phạt vi phạm hành chính đối với N3 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Quá trình điều tra xác định, bị cáo Trịnh Thị Mai T thu lợi bất chính 240.000 đồng, Mã Phương K thu lợi bất chính 100.000 đồng nên cần buộc các bị cáo phải nộp lại để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 gói niêm phong bên ngoài có ghi vụ số (3821/24Q1) bên trong chứa thảo mộc khô, là ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị can, là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3s, màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen thu giữ của Trịnh Thị Mai T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 1: 354176101524775, Imei 2: 354176101524774 thu giữ của Mã Phương K; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15s, màu đen, số Imei 1: 866314058222819, Imei 2: 866314058222801 thu giữ của Hà Huỳnh Dương N. Các bị cáo đã sử dụng điện thoại để gọi điện thoại, nhắn tin, chuyển nhận tiền mua bán ma túy. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 400.000 đồng thu giữ của Mã Phương K và 10.000 đồng thu giữ của ông Đỗ Ngọc H2. Đây là các khoản tiền liên quan trực tiếp đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave ZX, màu đỏ, biển kiểm soát 84K2-7403, số khung: RRKWCH2UM7XA01424, số máy: VTT35JL1P52FMH001424 thu giữ giữ của Mã Phương K kết quả giám định số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh, xe do bà Thạch Thị Thu T5 đứng tên sở hữu. K khai mua xe mô tô trên của một người (chưa rõ lai lịch), không có hợp đồng mua bán. Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra, đăng báo tìm bà T5 để ghi lời khai nhưng chưa có kết quả. Do chưa xác định được chủ sở hữu, bị cáo K đã sử dụng xe làm phương tiện mua bán ma túy nên cần giao cho cơ quan thi hành án đăng báo trong thời hạn 01 năm để trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, nếu sau thời hạn 01 năm không có ai đến nhận thì tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 60Z2-7232, số khung: RLHHC12229Y071102, số máy: HC12E-0688899 thu giữ của Hà Huỳnh Dương N, kết quả giám định số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh, xe do ông Nguyễn Lam H3 đứng tên sở hữu. N3 khai mượn xe mô tô trên của Võ Minh T6 để đi giao hàng. T6 khai mua lại xe mô tô trên của ông H3 (không có hợp đồng mua bán), không biết N3 giao xe cho N làm phương tiện phạm tội và xin được nhận lại xe. Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra, đăng báo tìm ông H3 để ghi lời khai nhưng chưa có kết quả. Do chưa lấy được lời khai của chủ sở hữu để xác định quá trình mua bán xe với ông Võ Minh T6 nên cần giao cho cơ quan thi hành án đăng báo trong thời hạn 01 năm để trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, nếu sau thời hạn 01 năm không có ai đến nhận thì trả lại xe cho ông Võ Minh T6.

[12] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Thị Mai T 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/10/2024 đến ngày 04/12/2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mã Phương K 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày

bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/10/2024 đến ngày 04/12/2024.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Huỳnh Dương N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2024.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Đức T3 03 (ba) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2024.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Trịnh Thị Mai T phải nộp lại số tiền 240.000 (hai trăm bốn mươi nghìn) đồng thu lợi bất chính, bị cáo Mã Phương K phải nộp lại số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng thu lợi bất chính để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 gói niêm phong bên ngoài có ghi vụ số 3821/24Q1, các chữ ký ghi tên Thiếu tá Phan Tấn Q (giám định viên), Lê Đức D1 (Cán bộ).

- Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15S, số Imei 1: 866314058222819, Imei 2: 866314058222801; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 1: 354176101524775, Imei 2: 354176101524774; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, imei 1: 868125041338175, imei 2: 868125041338167; 01 điện thoại di động hiệu N4, seri 1: 357717101251211, seri 2: 357717101251219 và số tiền 410.000 (bốn trăm mười nghìn) đồng.

- Giao cho cơ quan thi hành án đăng báo trong thời hạn 01 năm để trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đối với 01 xe mô tô, biển số 84K2-7403, số khung: RRKWCH2UM7XA01424, số máy: VTT35JL1P52FMH-001424, nếu sau thời hạn 01 năm không có ai đến nhận thì tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Giao cho cơ quan thi hành án đăng báo trong thời hạn 01 năm để trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đối với 01 xe mô tô biển số 60Z2-7232, số khung: RLHHC12229Y071102, số máy: HC12E-0688899, nếu sau thời hạn 01 năm không có ai đến nhận thì trả lại xe cho ông Võ Minh T6.

(Các vật chứng trên theo Phiếu nhập kho vật chứng số 98/2025/PNK-THAHS ngày 26/02/2025 của Cơ quan THAHS Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền vào Kho bạc nhà nước Khu vực II ngày 28/3/2025 do Ngân hàng TMCP C phát hành).

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N, Trương Đức T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Trịnh Thị Mai T, Mã Phương K, Hà Huỳnh Dương N, Trương Đức T3 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Thạch Thị Thu T5, ông Nguyễn Lam H3, ông Võ Minh T6, ông Trần Minh N3, ông Đỗ Ngọc H2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND khu vực 1 - TP.HCM; (3)
- Bị cáo; (4)
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP.HCM; (2)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (8)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Phòng THADS khu vực 1 - TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Đương sự; (5)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/35) (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sỹ Hùng